



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 08

Ngày 15 tháng 02 năm 2019

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|---|----|
| 05-12-2018- | Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân thành phố bầu. | 4 |
| 07-12-2018- | Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND về chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại Ban Quản trang và Nhà Tang lễ thành phố. | 11 |
| 07-12-2018- | Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực thành phố có nhu cầu thu hút giai đoạn 2018 - 2022. | 13 |

- 07-12-2018- Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND về chế độ hỗ trợ tiền ăn thêm các ngày Lễ, Tết cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định đang quản lý tại các Cơ sở xã hội, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái và hỗ trợ vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày cho đối tượng bảo trợ xã hội tại các Cơ sở bảo trợ xã hội công lập, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái, trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn. 18
- 07-12-2018- Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND về hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất cho các nhóm trẻ độc lập tự thực ở khu vực Khu công nghiệp, Khu chế xuất trên địa bàn thành phố. 21
- 07-12-2018- Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND về điều chỉnh mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2019 - 2020. 23
- 07-12-2018- Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ chi phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho bệnh nhân phong của Khu điều trị phong Bến Sắn. 25
- 07-12-2018- Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND về điều chỉnh mức thu học phí cho học sinh bậc Nhà trẻ, Trung học cơ sở và Bổ túc Trung học cơ sở tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 27
- 07-12-2018- Nghị quyết số 26/2018/NQ-HĐND ban hành quy định về nội dung, mức chi cho hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 29

- 07-12-2018- Nghị quyết số 27/2018/NQ-HĐND ban hành quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh và quy định nội dung, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông sử dụng từ nguồn kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông. 33
- 07-12-2018- Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND về giảm lệ phí thực hiện các thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố. 37
- 07-12-2018- Nghị quyết số 29/2018/NQ-HĐND ban hành quy định về mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 39

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 07-12-2018- Nghị quyết số 40/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2019. 46

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 09-01-2019- Quyết định số 122/QĐ-UBND về việc Ban hành Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh Dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 54

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- 15-01-2019- Quyết định số 254/QĐ-UBND về công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực năm 2018. 68

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT**Xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ
do Hội đồng nhân dân thành phố bầu****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12 NHIỆM KỲ 2016-2021
(Từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2018)***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;**Căn cứ Nghị quyết số 85/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội khóa XIII về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn và hướng dẫn số 321/HD-UBTVQH14 ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về hướng dẫn một số nội dung tổ chức lấy phiếu tín nhiệm tại Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021;**Căn cứ Biên bản kiểm phiếu kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân thành phố bầu ngày 05 tháng 12 năm 2018.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.** Kỳ họp thứ 12, Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã tiến hành lấy phiếu tín nhiệm đối với 30 người giữ chức vụ do Hội đồng nhân

dân bầu bảo đảm đúng nội dung, trình tự, thủ tục theo Luật định.

Điều 2. Xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Quyết Tâm, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố:

- + Số phiếu tín nhiệm cao **81** phiếu chiếm **77,14%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm **18** phiếu chiếm **17,14%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm thấp **02** phiếu chiếm **1,90%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Bà Trương Thị Ánh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố:

- + Số phiếu tín nhiệm cao **86** phiếu chiếm **81,90%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm **13** phiếu chiếm **12,38%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm thấp **02** phiếu chiếm **1,90%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Ông Phạm Đức Hải, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố:

- + Số phiếu tín nhiệm cao **58** phiếu chiếm **55,24%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm **37** phiếu chiếm **35,24%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm thấp **06** phiếu chiếm **5,71%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Ông Trương Lâm Danh, Trưởng ban Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố:

- + Số phiếu tín nhiệm cao **65** phiếu chiếm **61,90%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm **32** phiếu chiếm **30,48%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm thấp **04** phiếu chiếm **3,81%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

5. Bà Thi Thị Tuyết Nhung, Trưởng ban Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố:

- + Số phiếu tín nhiệm cao **62** phiếu chiếm **59,05%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm **36** phiếu chiếm **34,29%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm thấp **03** phiếu chiếm **2,86%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

6. Ông Trương Trung Kiên, Trưởng ban Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố:

- + Số phiếu tín nhiệm cao **62** phiếu chiếm **59,05%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm **35** phiếu chiếm **33,33%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **04** phiếu chiếm **3,81%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

7. Ông Nguyễn Thành Phong, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **74** phiếu chiếm **70,48%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **24** phiếu chiếm **22,86%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **03** phiếu chiếm **2,86%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

8. Ông Lê Thanh Liêm, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **68** phiếu chiếm **64,76%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **29** phiếu chiếm **27,62%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **04** phiếu chiếm **3,81%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

9. Ông Trần Vĩnh Tuyến, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **66** phiếu chiếm **62,86%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **30** phiếu chiếm **28,57%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **05** phiếu chiếm **4,76%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

10. Bà Nguyễn Thị Thu, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **45** phiếu chiếm **42,86%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **38** phiếu chiếm **36,19%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **18** phiếu chiếm **17,14%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

11. Ông Huỳnh Cách Mạng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **44** phiếu chiếm **41,90%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **44** phiếu chiếm **41,90%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **13** phiếu chiếm **12,38%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

12. Ông Nguyễn Tấn Bình, Giám đốc Sở Y tế thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **56** phiếu chiếm **53,33%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **41** phiếu chiếm **39,05%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **04** phiếu chiếm **3,81%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

13. Ông Bùi Xuân Cường, Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải thành phố, Ủy

viên Ủy ban nhân dân thành phố

- + Số phiếu tín nhiệm cao **38** phiếu chiếm **36,19%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm **48** phiếu chiếm **45,71%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm thấp **15** phiếu chiếm **14,29%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

14. Ông Nguyễn Việt Dũng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

- + Số phiếu tín nhiệm cao **25** phiếu chiếm **23,81%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm **61** phiếu chiếm **58,10%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm thấp **15** phiếu chiếm **14,29%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

15. Ông Huỳnh Văn Hạnh, Giám đốc Sở Tư pháp thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

- + Số phiếu tín nhiệm cao **46** phiếu chiếm **43,81%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm **49** phiếu chiếm **46,67%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm thấp **06** phiếu chiếm **5,71%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

16. Ông Võ Văn Hoan, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

- + Số phiếu tín nhiệm cao **55** phiếu chiếm **52,38%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm **40** phiếu chiếm **38,10%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm thấp **06** phiếu chiếm **5,71%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

17. Ông Phạm Thành Kiên, Giám đốc Sở Công thương thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

- + Số phiếu tín nhiệm cao **34** phiếu chiếm **32,38%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm **57** phiếu chiếm **54,29%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm thấp **10** phiếu chiếm **9,52%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

18. Ông Trương Văn Lắm, Giám đốc Sở Nội vụ thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

- + Số phiếu tín nhiệm cao **57** phiếu chiếm **54,29%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm **40** phiếu chiếm **38,10%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **04** phiếu chiếm **3,81%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

19. Ông Nguyễn Thanh Nhã, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **39** phiếu chiếm **37,14%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **48** phiếu chiếm **45,71%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **14** phiếu chiếm **13,33%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

20. Ông Lê Đông Phong, Giám đốc Công an thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **73** phiếu chiếm **69,52%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **23** phiếu chiếm **21,9%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **04** phiếu chiếm **3,81%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

21. Ông Lê Hồng Sơn, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **52** phiếu chiếm **49,52%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **38** phiếu chiếm **36,19%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **11** phiếu chiếm **10,48%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

22. Ông Lê Minh Tấn, Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **31** phiếu chiếm **29,52%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **56** phiếu chiếm **53,33%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **14** phiếu chiếm **13,33%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

23. Bà Phan Thị Thắng, Giám đốc Sở Tài chính thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **57** phiếu chiếm **54,29%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **38** phiếu chiếm **36,19%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **06** phiếu chiếm **5,71%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

24. Ông Nguyễn Toàn Thắng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **54** phiếu chiếm **51,43%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **36** phiếu chiếm **34,29%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **11** phiếu chiếm **10,48%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

25. Ông Trần Trọng Tuấn, Giám đốc Sở Xây dựng thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **40** phiếu chiếm **38,10%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **44** phiếu chiếm **41,90%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **17** phiếu chiếm **16,19%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

26. Ông Nguyễn Phước Trung, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **32** phiếu chiếm **30,48%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **56** phiếu chiếm **53,33%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **13** phiếu chiếm **12,38%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

27. Ông Nguyễn Long Tuyền, Chánh Thanh tra thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **51** phiếu chiếm **48,57%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **38** phiếu chiếm **36,19%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **12** phiếu chiếm **11,43%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

28. Ông Bùi Tá Hoàng Vũ, Giám đốc Sở Du lịch thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **38** phiếu chiếm **36,19%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **45** phiếu chiếm **42,86%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **18** phiếu chiếm **17,14%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

29. Ông Dương Anh Đức, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Số phiếu tín nhiệm cao **40** phiếu chiếm **38,10%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm **55** phiếu chiếm **52,38%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Số phiếu tín nhiệm thấp **06** phiếu chiếm **5,71%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

30. Ông Huỳnh Thanh Nhân, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

- + Số phiếu tín nhiệm cao **43** phiếu chiếm **40,95%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm **49** phiếu chiếm **46,67%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.
- + Số phiếu tín nhiệm thấp **9** phiếu chiếm **8,57%**/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

Nghị quyết này đã được kỳ họp thứ 12, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX nhiệm kỳ 2016 - 2021 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: 19/2018/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, người lao động đang làm việc
tại Ban Quản trang và Nhà Tang lễ thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI
(Từ ngày 4 đến ngày 7 tháng 12 năm 2018)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 5298/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về một số chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại Ban Quản trang và Nhà Tang lễ thành phố thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Báo cáo thẩm tra số 762/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2018 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Công chức, viên chức và người lao động đang làm việc tại Ban Quản trang và Nhà Tang lễ thành phố thuộc Sở Lao động - Thương binh và xã hội.

2. Đối tượng áp dụng:

Công chức, viên chức và người lao động đang làm việc tại Ban Quản trang và Nhà Tang lễ thành phố (kể cả người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trả lương theo ngày tại Nghĩa trang Liệt sĩ thành phố của Ban Quản trang, hợp đồng

ngoài chi tiêu được duyệt, không tính những người hưởng lương từ nguồn kinh phí dịch vụ).

Điều 2. Nội dung chế độ hỗ trợ:

1. Mức trợ cấp độc hại, lây nhiễm cao: 400.000 đồng/người/tháng.
2. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ một lần/người/năm.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện:

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ do ngân sách thành phố bảo đảm được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các đơn vị.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

Điều 5. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt
đối với lĩnh vực thành phố có nhu cầu thu hút giai đoạn 2018 - 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI
(Từ ngày 4 đến ngày 7 tháng 12 năm 2018)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về
thi điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét Tờ trình số 5371/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân
dân thành phố về chính sách thu hút người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực thành
phố Hồ Chí Minh có nhu cầu giai đoạn 2018 - 2022; Báo cáo thẩm tra số 787/BC-
HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân
thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thực hiện mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực thành phố có nhu cầu thu hút giai đoạn 2018 - 2022 như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (trừ các cơ quan, đơn vị trực thuộc trung ương đóng trên địa bàn thành phố, các cơ quan, đơn vị ngành dọc và lực lượng vũ trang).

b) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan,

đơn vị nêu tại điểm a khoản 1 Điều 1.

2. Lĩnh vực thu hút:

- Công nghệ thông tin, xây dựng đô thị thông minh.
- Phát triển công nghiệp hỗ trợ.
- Dịch vụ vận tải, kho bãi, dịch vụ cảng - hậu cần hàng hải và xuất nhập khẩu (logistics).
- Nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, tế bào gốc.
- Xây dựng trung tâm tài chính.
- Xây dựng và quản lý hạ tầng hiện đại, gồm: xây dựng và vận hành hệ thống vận tải công cộng sức tải lớn, không gian ngầm, công trình phòng chống thiên tai, xử lý sự cố môi trường, quy hoạch và phát triển đô thị, ứng phó biến đổi khí hậu.
- Vật liệu mới, công nghệ nano, năng lượng tái tạo, sản xuất linh kiện điện tử cao cấp, công nghiệp vi mạch, công nghệ số.
- Các ngành nghiên cứu khoa học cơ bản: kinh tế số, khoa học tính toán và dữ liệu lớn, internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo...
- Lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học xã hội.
- Xây dựng, hoạch định chính sách công và quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: kế hoạch và đầu tư; giáo dục và đào tạo; văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao; du lịch; xây dựng và quản lý đô thị...
- Dịch vụ công chất lượng cao: giáo dục đại học, sau đại học và y tế kỹ thuật cao.
- Các lĩnh vực khác có nhu cầu thu hút, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

3. Đối tượng áp dụng:

a) Chuyên gia, nhà khoa học: Là người có trình độ và chuyên ngành đào tạo phù hợp với hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật Việt Nam, có đủ tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và thành tích nghiên cứu khoa học; có công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trên thế giới, có công trình nghiên cứu xuất sắc đã được nghiệm thu, hoặc sáng chế được công nhận đem lại hiệu quả cao, được ứng dụng trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các ngành, lĩnh vực khác. Chuyên gia, nhà

khoa học phải có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo, tư vấn, chuyển giao công nghệ, quản lý hoạt động khoa học, vận hành các thiết bị, dây chuyền sản xuất, thiết kế chế tạo sản phẩm liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.

b) Người có tài năng đặc biệt: Là những người có đủ năng lực, sức khỏe và tinh thần phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp; có phẩm chất đạo đức và khát vọng cống hiến; có tri thức và năng lực đặc biệt xuất sắc trong một hoặc một số ngành, lĩnh vực; có khả năng lao động sáng tạo rất cao; đã đạt nhiều thành tích hoặc khả năng hoàn thành công việc, nhiệm vụ cụ thể với mức độ tốt vượt trội mà rất ít người có thể thực hiện được; có uy tín cao được công nhận.

4. Mức thu nhập, chính sách đãi ngộ:

a) Trợ cấp ban đầu (chỉ áp dụng 01 lần và cho lần ký hợp đồng đầu tiên):

Áp dụng mức trợ cấp ban đầu tối đa 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đối với các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt được thu hút, tuyển chọn theo đề án cụ thể phù hợp với từng nhóm đối tượng chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt theo trình độ, năng lực và uy tín cá nhân.

b) Tiền lương hàng tháng:

- Chuyên gia, nhà khoa học được ký kết hợp đồng lao động với mức lương tính theo hệ số của Bảng lương Chuyên gia cao cấp ban hành theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Việc áp dụng mức lương cụ thể cho từng nhóm đối tượng chuyên gia, nhà khoa học tương xứng với trình độ, năng lực và uy tín cá nhân.

- Người có tài năng đặc biệt được hưởng chính sách hỗ trợ về sinh hoạt phí từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng/người/tháng (năm mươi triệu đồng). Mức thu nhập này đã bao gồm tiền lương hàng tháng và các khoản phụ cấp kèm theo lương (nếu có) mà người có tài năng đặc biệt được hưởng theo quy định pháp luật.

c) Chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học, phát huy năng lực trí tuệ, phát triển công nghệ:

- Mỗi một công trình, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học, giải pháp, sáng kiến đổi mới kỹ thuật, công nghệ hoặc tác phẩm, công trình văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao (gọi tắt là “công trình”) từ cấp thành phố và tương đương trở lên được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phê duyệt, công nhận bằng văn bản thì được hưởng phụ cấp

khuyến khích bằng 1% tổng kinh phí ngân sách thành phố chi trả cho công trình nghiên cứu đó. Tổng mức hỗ trợ khuyến khích không thấp hơn 50.000.000 đồng/người/công trình nghiên cứu (năm mươi triệu đồng). Trường hợp tổng mức ngân sách thành phố đầu tư cho công trình nghiên cứu đã được phê duyệt hoặc cấp phép, công nhận chính thức vượt quá 100.000.000.000 đồng/công trình nghiên cứu (một trăm tỷ đồng) thì mức hỗ trợ tối đa là 1.000.000.000 đồng/người/công trình nghiên cứu (một tỷ đồng).

- Trường hợp có nhiều chuyên gia, nhà khoa học hoặc người có tài năng đặc biệt cùng tham gia 01 công trình thì thực hiện mức hỗ trợ cho nhóm thực hiện công trình bằng 1% tổng kinh phí ngân sách Thành phố chi trả cho công trình đó. Mức khuyến khích cho mỗi thành viên không thấp hơn 30.000.000 đồng/người/công trình (ba mươi triệu đồng) và tổng số tiền khuyến khích cho cả nhóm thực hiện công trình tối đa 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

- Các vị trí còn lại (chỉ áp dụng đối với người có tài năng đặc biệt): Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ, mức độ đóng góp và giá trị, tầm cỡ của thành tích, giải thưởng đạt được, người có tài năng đặc biệt được hưởng mức khuyến khích tương xứng với công trạng cá nhân với mức tối đa là 1.000.000.000 đồng/người (một tỷ đồng).

d) Chính sách nhà ở, phương tiện đi lại: Chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt gặp khó khăn về nhà ở thì được xem xét bố trí nhà ở công vụ. Trường hợp không bố trí được nhà ở công vụ thì được hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thuê nhà ở và số tiền không vượt quá 7.000.000 đồng/tháng (bảy triệu đồng). Đồng thời, bố trí phương tiện đi lại phục vụ công việc cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt.

5. Quy trình thu hút, tuyển chọn: Giao Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể, quy trình thu hút, tuyển chọn các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt phù hợp với điều kiện thực tiễn của thành phố.

Điều 2. Kinh phí thực hiện do ngân sách thành phố chi trả.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Thành lập Hội đồng thu hút, tuyển chọn; quy định mức tiền lương, hỗ trợ cụ thể hàng tháng, mức khuyến khích cụ thể đối với chuyên gia, nhà khoa học và người

có tài năng đặc biệt.

b) Phối hợp với các trường đại học, học viện trên địa bàn thành phố xây dựng và triển khai các đề tài, đề án, chương trình, có cơ chế tài chính để xây dựng các phòng thí nghiệm chuyên ngành dùng chung.

c) Kịp thời đề xuất Hội đồng nhân dân thành phố thay đổi các lĩnh vực cần thu hút và mức thu nhập thu hút chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt; báo cáo kết quả tổ chức thực hiện trình Hội đồng nhân dân thành phố vào kỳ họp cuối năm 2020 để làm cơ sở điều chỉnh, hoàn thiện chính sách cho những năm tiếp theo.

d) Triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học đối với lĩnh vực thành phố có nhu cầu thu hút giai đoạn 2018 - 2022.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về chế độ hỗ trợ tiền ăn thêm các ngày Lễ, Tết cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định đang quản lý tại các Cơ sở xã hội, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái và hỗ trợ vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày cho đối tượng bảo trợ xã hội tại các Cơ sở bảo trợ xã hội công lập, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái, trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI (Từ ngày 4 đến ngày 7 tháng 12 năm 2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 5315/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về chế độ hỗ trợ tiền ăn thêm các ngày Lễ, Tết cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định đang quản lý tại các Cơ sở xã hội, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái và hỗ trợ vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày cho đối tượng bảo trợ xã hội tại các Cơ sở bảo trợ xã hội công lập, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái, trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế và Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố; Báo cáo thẩm tra số 764/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2018 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

- Các Cơ sở xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố quản lý;
- Các Cơ sở bảo trợ xã hội công lập thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố quản lý;
- Bệnh viện Nhân Ái và Khu điều trị phong Bến Sắn thuộc Sở Y tế quản lý.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định đang được quản lý tại các Cơ sở xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố.

b) Đối tượng bảo trợ xã hội tại các Cơ sở bảo trợ xã hội công lập thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố:

- Người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi cộng đồng không có nơi cư trú ổn định trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được tiếp nhận ban đầu vào Trung tâm Hỗ trợ xã hội và Khu tiếp nhận ban đầu của Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đối tượng tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần và các Trung tâm bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái và trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn thuộc Sở Y tế.

Điều 2. Chế độ hỗ trợ:**1. Chế độ hỗ trợ tiền ăn thêm các ngày Lễ, Tết:**

a) Đối tượng: Người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định đang được quản lý tại các Cơ sở xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố.

b) Chế độ ăn thêm được áp dụng cho 10 ngày Lễ, Tết trong năm gồm: Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, Ngày Chiến thắng 30/4, Ngày Quốc tế Lao động, Ngày Quốc khánh, Tết dương lịch và Tết nguyên đán.

c) Mức hỗ trợ:

- Các ngày Lễ, Tết dương lịch: Hỗ trợ tiền ăn thêm theo mức 03 lần tiêu chuẩn

ngày thường đang áp dụng đối với người nghiện ma túy đang được quản lý tại các Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc (tiêu chuẩn ngày thường bằng 0,8 mức lương cơ sở chia cho số ngày trong tháng).

- Các ngày Tết nguyên đán: Hỗ trợ tiền ăn thêm theo mức 05 lần tiêu chuẩn ngày thường đang áp dụng đối với người nghiện ma túy đang được quản lý tại các Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc (tiêu chuẩn ngày thường bằng 0,8 mức lương cơ sở chia cho số ngày trong tháng).

2. Chế độ hỗ trợ vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày:

a) Đối tượng là người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định được tiếp nhận ban đầu vào Trung tâm Hỗ trợ xã hội và Khu tiếp nhận ban đầu của Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần: 700.000 đồng/người.

b) Đối tượng được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng tại các các Cơ sở bảo trợ xã hội công lập, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái, trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn: hỗ trợ với mức chi là 0,9 lần lương cơ sở/người/năm.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ:

Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ nêu trên được bố trí trong dự toán chi thường xuyên đảm bảo xã hội hàng năm do ngân sách thành phố giao cho các đơn vị.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

Điều 5. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất cho các nhóm trẻ độc lập tư thực
ở khu vực Khu công nghiệp, Khu chế xuất trên địa bàn thành phố**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI

(Từ ngày 4 đến ngày 7 tháng 12 năm 2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thực ở khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020”;

Xét Tờ trình số 5324/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định mức hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất cho các nhóm trẻ độc lập tư thực ở khu vực Khu công nghiệp, Khu chế xuất tại Thành phố Hồ Chí Minh (Đề án 404 của Chính phủ); Báo cáo thẩm tra số 765/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2018 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mức hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất cho các nhóm trẻ độc lập tư thực ở khu vực Khu công nghiệp, Khu chế xuất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Đối với 99 nhóm trẻ hỗ trợ nâng chất lượng: mức hỗ trợ bình quân là 34.700.000 đồng/nhóm trẻ.

2. Đối với 06 nhóm trẻ hỗ trợ kiện toàn: mức hỗ trợ bình quân là 78.600.000 đồng/nhóm trẻ.

3. Lắp đặt camera cho tất cả 105 nhóm trẻ (gồm 99 nhóm trẻ cần hỗ trợ nâng chất lượng, 06 nhóm trẻ cần hỗ trợ kiện toàn).

Điều 2. Kinh phí thực hiện:

Nguồn kinh phí hỗ trợ do ngân sách thành phố bảo đảm được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân quận, huyện giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo thành phố
giai đoạn 2019 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI
(Từ ngày 4 đến ngày 7 tháng 12 năm 2018)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 5323/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về đề xuất điều chỉnh mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo thành phố áp dụng cho giai đoạn 2019 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 766/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2018 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất điều chỉnh mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2019 - 2020 như sau:

1. Hộ nghèo thành phố: Là những hộ dân thành phố (có hộ khẩu thường trú và

tạm trú ổn định trên 6 tháng) có 1 hoặc cả 2 tiêu chí và được chia theo 03 nhóm hộ để tổ chức thực hiện các chính sách tác động hỗ trợ giảm nghèo theo thứ tự ưu tiên như sau:

Tiêu chí	Hộ nghèo nhóm 1	Hộ nghèo nhóm 2	Hộ nghèo nhóm 3
(1) Thu nhập bình quân đầu người	Từ 28 triệu đồng/người/năm trở xuống	Từ 28 triệu đồng/người/năm trở xuống	Trên 28 triệu đồng/người/năm (không nghèo thu nhập)
(2) Tổng số điểm thiếu hụt của 5 chiều nghèo với 11 chỉ số	Từ 40 điểm trở lên	Dưới 40 điểm (từ 0 đến 35 điểm)	Từ 40 điểm trở lên

2. Hộ cận nghèo thành phố: Là những hộ dân thành phố (có hộ khẩu thường trú và tạm trú ổn định trên 6 tháng) có 2 tiêu chí sau:

Tiêu chí	Hộ cận nghèo
(1) Thu nhập bình quân đầu người	Trên 28 triệu đồng/người/năm đến 36 triệu đồng/người/năm
(2) Tổng số điểm thiếu hụt của 5 chiều nghèo với 11 chỉ số	Dưới 40 điểm (từ 0 đến 35 điểm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này bãi bỏ nội dung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách hỗ trợ chi phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho bệnh nhân phong
của Khu điều trị phong Bến Sắn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI
(Từ ngày 4 đến ngày 7 tháng 12 năm 2018)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Xét Tờ trình số 5329/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ 100% chi phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho bệnh nhân phong của Khu điều trị phong Bến Sắn thuộc Sở Y tế; Báo cáo thẩm tra số 762/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2018 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đối tượng áp dụng và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 100% chi phí mua thẻ bảo hiểm y tế hàng năm Bệnh nhân phong đang điều trị tại Khu Điều trị phong Bến Sắn thuộc Sở Y tế.

Điều 2. Nguồn kinh phí hỗ trợ:

Kinh phí thực hiện hỗ trợ nêu trên được ngân sách Nhà nước bố trí trong dự toán

hàng năm của Sở Y tế để phân bổ cho Khu Điều trị phong Bến Sắn.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh mức thu học phí cho học sinh bậc Nhà trẻ, Trung học cơ sở
và Bồ́t Trung học cơ sở tại các trường công lập
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI
(Từ ngày 4 đến ngày 7 tháng 12 năm 2018)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Xét Tờ trình số 5369/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh mức học phí cho học sinh bậc Trung học cơ sở và Nhà trẻ tại các trường công lập thuộc thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 772/BC-KTNS ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ban Văn hóa – Xã hội, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh mức học phí cho học sinh bậc Nhà trẻ, Trung học cơ sở và

Bổ túc Trung học cơ sở tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Nhóm 1: Học sinh tại các trường ở các quận: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Bình Tân, Tân Bình, Tân Phú, Phú Nhuận, Gò Vấp, Thủ Đức, Bình Thạnh.

Nhóm 2: Học sinh tại các trường ở các huyện: Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ.

Đơn vị tính: Đồng/học sinh/tháng.

Cấp học	Mức học phí	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	200.000	120.000
Trung học cơ sở, Bổ túc Trung học cơ sở	60.000	30.000

Thời gian thực hiện: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, áp dụng 9 tháng/năm học.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các quận, huyện cân đối từ nguồn ngân sách để thực hiện cấp bù kinh phí cho các đơn vị do điều chỉnh mức thu học phí bậc Nhà trẻ (Nhóm 2), Trung học cơ sở, Bổ túc Trung học cơ sở và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân các quận, huyện giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này bãi bỏ nội dung về mức thu học phí học sinh bậc Nhà trẻ (Nhóm 2), Trung học cơ sở và Bổ túc Trung học cơ sở quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 102/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 08 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định về nội dung, mức chi cho hoạt động của Hội đồng tư vấn
thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ban tư vấn
thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12 (Từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 35/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;

Xét Tờ trình số 5264/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về nội dung, mức chi hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 777/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành quy định về nội dung, mức chi hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện trên địa bàn thành phố.

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định nội dung, mức chi cụ thể cho hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.
- b) Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện.

3. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố do ngân sách Thành phố bảo đảm, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

b) Kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện do ngân sách cấp huyện bảo đảm, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện.

4. Nội dung chi

a) Chi hỗ trợ hoạt động hàng tháng cho Lãnh đạo Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; Lãnh đạo Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện là đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, bao gồm:

- Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

- Trưởng ban và Phó Trưởng Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện.

b) Chi hội nghị, hội thảo.

c) Chi công tác phí.

d) Chi mua tài liệu, văn phòng phẩm.

đ) Chi viết báo cáo và góp ý bằng văn bản.

e) Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động tư vấn (nếu có).

5. Mức chi

a) Mức chi hỗ trợ hoạt động hàng tháng cho Lãnh đạo Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; Lãnh đạo Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện:

- Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố:

+ Chủ nhiệm Hội đồng tư vấn: Bằng **1,2 lần** mức lương cơ sở.

+ Phó Chủ nhiệm Hội đồng tư vấn: Bằng **0,96 lần** mức lương cơ sở.

- Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện:

+ Trưởng Ban tư vấn: Bằng **0,18 lần** mức lương cơ sở.

+ Phó Trưởng Ban tư vấn: Bằng **0,12 lần** mức lương cơ sở.

b) Mức chi hội nghị, hội thảo, công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Mức chi viết báo cáo và góp ý bằng văn bản: 500.000 đồng/văn bản hoặc báo cáo.

d) Chi mua tài liệu, văn phòng phẩm, chi khác: Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, trong phạm vi kinh phí đã được giao.

6. Điều khoản thi hành

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện quản lý, sử dụng theo đúng định mức, tiêu chuẩn và trong phạm vi kinh phí được giao hàng năm.

b) Kho bạc nhà nước kiểm soát chi hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện theo nội dung và mức chi cụ thể được quy định tại Khoản 4, Khoản 5 của Điều 1 Nghị quyết này.

c) Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh và quy định nội dung, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông sử dụng từ nguồn kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12 (Từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông và Quyết định số 901/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 5280/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Hồ Chí Minh và quy định nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông sử dụng từ nguồn kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Báo cáo thẩm tra số 773/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ

sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Hồ Chí Minh và quy định nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông sử dụng từ nguồn kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định nguồn kinh phí thực hiện công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù thực hiện công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông của Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Ban An toàn giao thông thành phố;
- b) Sở Tài chính thành phố;
- c) Công an thành phố;
- d) Sở Giao thông vận tải và các đơn vị trực thuộc;
- đ) Ban An toàn giao thông 24 quận, huyện;
- e) Các lực lượng khác thuộc các đơn vị của thành phố, quận - huyện, phường xã trực tiếp tham gia công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông (không bao gồm trật tự viên giao thông thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố);
- g) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

3. Nguồn kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông

Kinh phí thực hiện công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo từ các nguồn theo trình tự như sau:

- a) Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.
- b) Trường hợp nhu cầu kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông của các lực lượng trên địa bàn thành phố (Ban An toàn giao thông thành phố; Ban An toàn giao thông 24 quận, huyện; Sở Giao thông vận tải và các đơn vị trực thuộc; Các lực lượng khác trực tiếp tham gia công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành

phố, quận - huyện, phường xã, không bao gồm trật tự viên giao thông thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông) phát sinh trong năm cao hơn nguồn kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên thì phần chênh lệch được bố trí từ nguồn chi các hoạt động kinh tế theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành trong dự toán chi thường xuyên của các đơn vị.

c) Các khoản hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

d) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

4. Thông qua mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh:

Mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông hàng năm, để chi cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn, trong đó:

- Bố trí 70% cho lực lượng Công an thành phố;
- Bố trí 30% còn lại cho các lực lượng khác của Thành phố.

5. Thông qua nội dung chi, mức chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông của Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Nội dung chi và mức chi của Ban An toàn giao thông các quận, huyện:

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính.

b) Một số nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khác phục vụ trực tiếp công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông và mức chi đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh:

- Chi bồi dưỡng kiêm nhiệm công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đối với các thành viên Ban An toàn giao thông thành phố, Ban An toàn giao thông các quận - huyện và Tổ Công tác giúp việc do Ủy ban nhân dân các cấp thành lập (không bao gồm Phó Trưởng Ban chuyên trách và cán bộ, công chức Văn phòng Thường trực Ban An toàn giao thông): mức chi 500.000 đồng/người/tháng.

- Chi bồi dưỡng cho các thành viên đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông (ngoài giờ làm việc hành chính,

ngoài chế độ lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ theo quy định hiện hành; tính theo đoàn kiểm tra):

+ Từ sau 17 giờ đến trước 22 giờ: mức chi 50.000 đồng/người/đoàn.

+ Từ 22 giờ đến 06 giờ hôm sau: mức chi 100.000 đồng/người/đoàn.

- Một số mức chi đặc thù khác:

+ Chi bồi dưỡng cho công tác giữ gìn an ninh trật tự, cộng tác viên, bảo vệ, giữ xe, phục vụ, vệ sinh, y tế, lễ tân phục vụ các phiên tòa giả định, các chương trình, hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật an toàn giao thông: mức chi 50.000 đồng/người/ngày.

+ Chi bồi dưỡng cho Người cố vấn tổ chức chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật an toàn giao thông: mức chi 500.000 đồng/người/chương trình.

+ Chi bồi dưỡng lực lượng tham gia diễn tập phương án cứu hộ và tập huấn kỹ năng cứu hộ, cứu nạn khi xảy ra sự cố giao thông: mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

Số lượng, đối tượng tham gia của từng chương trình, hoạt động cụ thể do Ban An toàn giao thông các cấp và các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện tự chịu trách nhiệm.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Trong trường hợp mức phân bổ ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, nội dung chi, mức chi đặc thù cần phải bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn; để kịp thời tổ chức thực hiện, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về giảm lệ phí thực hiện các thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ
công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân thành phố**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12 (Từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2018)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 5318/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến được giảm lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 775/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ

tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố. Cụ thể đối với các loại lệ phí sau:

1. Lệ phí đăng ký cư trú.
2. Lệ phí hộ tịch.
3. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
4. Lệ phí đăng ký kinh doanh.
5. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.
6. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng.

Điều 2. Áp dụng cho tất cả các đối tượng có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trừ những đối tượng được miễn lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định về mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức,
viên chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12

(Từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 5344/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 776/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về mức chi đào tạo, bồi

duỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố theo quy định pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND
ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố)*

Chương I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; mức chi thực hiện Đề án/Dự án về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp, các Đề án/Dự án có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Đề án/ Dự án đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;

2. Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố (sau đây gọi là cấp thành phố); cấp quận, huyện (sau đây gọi là cấp huyện); công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã); công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập;

3. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, viên chức trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

4. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố ở xã, phường, thị trấn;

5. Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Dưới đây các đối tượng tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này được gọi chung là cán bộ,

công chức (CBCC); các đối tượng tại Khoản 5 Điều này gọi chung là viên chức.

Chương II

NGUỒN KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 3. Nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính (nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên) của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

MỨC CHI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 5. Mức chi đào tạo cán bộ, công chức trong nước

Thực hiện theo mức chi tối đa quy định tại Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 6. Mức chi bồi dưỡng cán bộ, công chức trong nước

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng kinh phí được cấp có thẩm quyền phân bổ hàng năm, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng CBCC quyết định các mức chi cụ thể cho phù hợp; đồng thời phải bảo đảm sắp xếp kinh phí để thực hiện theo đúng nhiệm vụ bồi dưỡng CBCC được cấp có thẩm quyền giao và trong phạm vi dự toán được phân bổ; cụ thể như sau:

1. Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học):

Tùy theo đối tượng, trình độ học viên, căn cứ yêu cầu chất lượng khóa bồi dưỡng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng

CBCC quyết định mức chi thù lao cho giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên trong nước (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng, trình độ của giảng viên, báo cáo viên, đảm bảo không vượt các mức chi tối đa được quy định dưới đây và trong phạm vi dự toán được giao. Mức chi thù lao cho giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên trong nước (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) theo quy định sau:

a) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Thành ủy và các chức danh tương đương; Thứ trưởng, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Bí thư Thành ủy và các chức danh tương đương; giáo sư; phó giáo sư; chuyên gia cao cấp; Tiến sĩ khoa học; tiến sĩ; Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng thuộc Bộ: Mức chi thù lao tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi;

b) Giảng viên, báo cáo viên là Phó vụ trưởng thuộc Bộ, Phó viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó cục trưởng và các chức danh tương đương; thạc sĩ; giảng viên chính: Mức chi thù lao tối đa 1.500.000 đồng/người/buổi;

c) Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp thành phố, chuyên gia các lĩnh vực (ngoài 2 đối tượng nêu trên): Mức chi thù lao tối đa 1.200.000 đồng/người/buổi;

d) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống: Mức chi thù lao tối đa 600.000 đồng/người/buổi;

đ) Trợ giảng (nếu có): Mức chi thù lao tối đa 600.000 đồng/người/buổi.

Đối với giảng viên nước ngoài: Tùy theo mức độ cần thiết các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định việc mời giảng viên nước ngoài. Mức thù lao đối với giảng viên nước ngoài do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định trên cơ sở thỏa thuận tùy theo chất lượng giảng viên và bảo đảm phù hợp với khả năng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị.

Riêng đối với các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, thì số giờ giảng vượt định mức được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ

Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập. Trường hợp các giảng viên này được mời tham gia giảng dạy tại các lớp học do các cơ sở đào tạo khác tổ chức thì vẫn được hưởng theo chế độ thù lao giảng viên theo quy định.

2. Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc:

Căn cứ khả năng nguồn kinh phí, căn cứ số lượng học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc của từng lớp, cơ sở đào tạo được quyết định chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc theo mức tối đa: tối đa không quá 200.000 đồng/học viên.

3. Các mức chi khác thực hiện theo mức chi tối đa quy định tại Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 7. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCC ở nước ngoài được bố trí dự toán và quyết toán căn cứ vào chi phí cụ thể của từng lớp. Các nội dung chi, mức chi được thực hiện theo các quy định cụ thể sau:

1. Chi dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo hoặc cơ sở dịch vụ ở nước ngoài: Theo thông báo hoặc hóa đơn học phí của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nơi CBCC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc chứng từ, hóa đơn hợp pháp do cơ sở dịch vụ ở nước ngoài ban hành hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết;

2. Chi mua Bảo hiểm y tế: Theo thông báo hoặc hóa đơn Bảo hiểm y tế bắt buộc của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nơi CBCC được cử đi đào tạo và không vượt mức Bảo hiểm y tế tối thiểu áp dụng chung cho lưu học sinh nước ngoài ở nước sở tại;

3. Chi phí cho công tác phiên dịch, biên dịch tài liệu: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

4. Chi phí cho công tác tổ chức lớp học: Khảo sát, đàm phán, xây dựng chương trình học tập với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, theo chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ, hóa đơn hợp pháp;

5. Chi phí ăn và tiêu vật, ở, đi lại, lệ phí sân bay, chi làm thủ tục xuất, nhập cảnh

(hộ chiếu, thị thực (visa)) được thực hiện theo quy định hiện hành tại Thông tư của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

Điều 8. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại cơ quan, đơn vị; căn cứ nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng CBCC, viên chức quy định tại Điều 4 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với CBCC quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Chương III quy định này; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCC, viên chức được tổ chức bằng nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, tài trợ, thì khuyến khích vận dụng mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Nghị quyết này nhằm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Trường hợp cần có mức chi cao hơn thì cơ quan, đơn vị làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng quyết định phù hợp khả năng nguồn kinh phí của đơn vị.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 40/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2018***NGHỊ QUYẾT****Về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2019****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI
(Từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2018)***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2018;**Xét Tờ trình số 5341/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 779/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.***QUYẾT NGHỊ:**

Hội đồng nhân dân thành phố tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố năm 2019.

Hội đồng nhân dân thành phố nhấn mạnh một số nội dung như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2018

Hội đồng nhân dân thành phố đánh giá cao sự nỗ lực của Ủy ban nhân dân thành phố đã chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2018. Với quyết tâm cao của hệ thống chính trị, sự đồng thuận, chia sẻ của các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, thành phố đã đạt được kết quả quan trọng trên các lĩnh vực; kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, đã hoàn thành đạt và vượt 17/20 chỉ tiêu kế hoạch năm, còn 02 chỉ tiêu chưa đạt là thu ngân sách nhà nước (đạt 98,1% dự toán) và thành lập mới doanh nghiệp (đạt 96%), 01 chỉ tiêu là chỉ số cải cách hành chính sẽ đánh giá vào giữa năm 2019.

Kết quả năm 2018: tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt hơn 1,33 triệu tỷ đồng, ước tăng 8,3% (cùng kỳ tăng 8,25%). Cơ cấu kinh tế thành phố tiếp tục tăng dần tỷ trọng các ngành dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn, có lợi thế cạnh tranh. Tổng vốn đầu tư xã hội ước đạt 35% GRDP (năm 2017 là 34,5%, vượt chỉ tiêu bình quân toàn nhiệm kỳ 2016 – 2020 là 30% GRDP). Thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt 7,07 tỷ đô la Mỹ, tăng 7% so với cùng kỳ, chiếm 22% tổng đầu tư nước ngoài cả nước năm 2018. Tỷ trọng đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế là 38% (năm 2016 là 35,3%, năm 2017 là 36,7%), vượt chỉ tiêu 36% của năm 2018 và chỉ tiêu bình quân toàn nhiệm kỳ là 35%. Có 44.126 doanh nghiệp được cấp phép thành lập mới (trong đó có 3.400 hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi lên doanh nghiệp) với tổng số vốn đăng ký hơn 537 ngàn tỷ đồng (tăng 6% số lượng doanh nghiệp và bằng 89% vốn đăng ký so cùng kỳ). Nhiều hoạt động khoa học - công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, kết nối đầu tư được tăng cường triển khai.

Thành phố đã rà soát bước đầu việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 và các dự án chậm triển khai; bắt đầu xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đã phê duyệt 600 đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (diện tích khoảng 82.624 ha).

Lĩnh vực văn hóa – xã hội có nhiều tiến bộ. Các hoạt động văn hóa, chương trình kỷ niệm, lễ hội được quan tâm tổ chức trang trọng, tạo không khí phấn khởi. Ngành giáo dục và đào tạo đã chủ động, tích cực thực hiện các giải pháp đổi mới; có 238 trường đạt chuẩn quốc gia ở tất cả các cấp học, bậc học; năm học 2017-2018, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 99,81%, tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt 99,36%. Ngành y tế được tập trung chỉ đạo, tiếp cận nhiều kỹ thuật tiên tiến, tạo niềm tin trong khám chữa bệnh và phòng chống các loại dịch bệnh; tiếp tục thực hiện hiệu

quả đề án giảm tải ở bệnh viện, thành lập phòng khám vệ tinh, khoa vệ tinh, xây dựng và phát triển phòng khám bác sĩ gia đình. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Thực hiện tốt công tác chăm lo, hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách có công, đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em... góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. Hoạt động thanh tra, tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo được đặc biệt quan tâm, thực hiện quyết liệt với nhiều giải pháp kết hợp với kiểm tra, giám sát thường xuyên. Công tác cải cách hành chính tiếp tục được tập trung theo hướng công khai, minh bạch.

Tổ chức thành công nhiều hoạt động đối ngoại với kết quả tích cực. Tình hình quốc phòng - an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, thành phố thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 trong điều kiện còn nhiều khó khăn. Tăng trưởng kinh tế cơ bản đạt chỉ tiêu nhưng còn nhiều thách thức với những điều kiện khó khăn về nguồn lực, nguồn vốn đầu tư,... Tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bị chậm so với kế hoạch đề ra. Công tác thu ngân sách dù rất nỗ lực, thực hiện tăng cao hơn so với cùng kỳ nhưng chưa đạt chỉ tiêu dự toán. 7 chương trình đột phá chưa tạo được kết quả nổi bật: tắc đường ngày càng nghiêm trọng hơn, ngập nước nhiều nơi gia tăng, chuyển đổi công nghệ xử lý rác chậm, việc đấu giá quyền sử dụng đất chậm; Cải cách hành chính chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân, doanh nghiệp; Chương trình xây dựng nông thôn mới triển khai chậm; Đầu tư phát triển hệ thống cơ sở giáo dục dù đạt chỉ tiêu bình quân trên toàn địa bàn nhưng chưa đồng đều, vẫn còn tình trạng thiếu phòng học, phòng học không đảm bảo tiêu chuẩn. Một số cơ sở sản xuất - kinh doanh còn vi phạm về an toàn vệ sinh thực phẩm. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp.

II. Kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2019

Hội đồng nhân dân thành phố cơ bản thống nhất với những nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp thực hiện trong năm 2019. Trong bối cảnh có nhiều thuận lợi cũng như khó khăn, thách thức đan xen của tình hình trong nước và thế giới, đó là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) bắt đầu có hiệu lực từ năm 2019, những tiến triển và bất đồng trong chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc; yêu cầu tinh gọn bộ máy của các cơ quan nhà nước theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương; các thế lực thù địch vẫn tiếp tục tìm cách gây mất ổn định cho thành phố và trong cả nước; Ủy ban nhân dân

thành phố cần tập trung chỉ đạo, điều hành những nhiệm vụ chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và chọn Chủ đề năm 2019 là ***“Năm đột phá cải cách hành chính và thực hiện Nghị quyết 54 của Quốc Hội”***.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, 7 chương trình đột phá của thành phố, chương trình Xây dựng nông thôn mới, Đề án xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh gắn với Khu đô thị sáng tạo phía Đông thành phố. Thực hiện Đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước; phát huy mạnh mẽ nguồn lực đất đai thông qua quy hoạch và đấu giá quyền sử dụng đất. Triển khai các giải pháp thu hút đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án, công trình; đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án và giải ngân trong đầu tư công. Thực hiện hiệu quả cuộc vận động ***“Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”***.

Nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của kinh tế thành phố gắn với tái cấu trúc kinh tế theo chiều sâu, chất lượng, hiệu quả; đẩy mạnh khuyến khích đổi mới, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển doanh nghiệp. Tăng cường phúc lợi, bảo đảm an sinh xã hội, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; giải quyết tốt công tác khiếu nại, tố cáo, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

(1) Tổng sản phẩm nội địa (GRDP) tăng 8,3 - 8,5%.

(2) Tỷ trọng đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) vào GRDP đạt 36% trở lên.

(3) Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 35% GRDP.

(4) Thu ngân sách đạt 100% dự toán.

(5) Thành lập mới 46.200 doanh nghiệp (gồm chuyển đổi các hộ kinh doanh cá thể).

(6) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 0,7%/năm, tương ứng giảm 15.750 hộ nghèo/năm, tỷ lệ hộ nghèo là 1,07%; tỷ lệ hộ cận nghèo giảm bình quân 0,9%/năm, tương ứng giảm 20.220 hộ cận nghèo/năm, tỷ lệ hộ cận nghèo là 1,9% (theo chuẩn Chương trình giảm nghèo mới của Thành phố từ 2019).

- (7) Tạo việc làm mới cho 130.000 lao động.
- (8) Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo nghề đạt 83%.
- (9) Tỷ lệ thất nghiệp đô thị dưới 3,8%.
- (10) Tổng diện tích nhà ở xây dựng mới đạt 8 triệu m².
- (11) Diện tích nhà ở bình quân đầu người 19,81 m²/người.
- (12) Đạt 288 phòng học/10.000 dân trong độ tuổi đi học (từ 3 đến 18 tuổi).
- (13) Đạt 19 bác sỹ trên 10.000 dân.
- (14) Đạt 42 giường bệnh/10.000 dân, đạt 45,5m² sàn xây dựng/giường bệnh.
- (15) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 88%.
- (16) Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt 100%. Tổng lượng khai thác nước dưới đất so với năm 2018 giảm xuống còn 24,78% (còn 310.000m³/ngày).
- (17) Tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
- (18) Tỷ lệ xử lý nước thải công nghiệp đạt 100%.
- (19) Nước thải bệnh viện được xử lý đạt quy chuẩn môi trường đạt 98%.
- (20) Phân đầu nâng cao chỉ số xếp hạng năm 2018 như sau: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) vào nhóm 20 tỉnh thành dẫn đầu cả nước; Chỉ số cải cách hành chính (PAR-index) trong nhóm 10 tỉnh, thành có điểm cao nhất; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) vào nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước.

3. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu

3.1. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước qua phân cấp, ủy quyền cho các sở ngành, Ủy ban nhân dân các quận huyện. Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết 54 của Quốc hội và các Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua. Đảm bảo tiến độ thực hiện 7 chương trình đột phá và các Đề án, Chương trình trọng điểm của Thành phố theo kế hoạch đã đề ra; rà soát tất cả các lĩnh vực để đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh các Nghị định, Thông tư theo hướng phân cấp mạnh mẽ cho thành phố chủ động, phù hợp với khả năng và tình hình thực tiễn của thành phố. Công khai, minh bạch các quy trình và thời gian xử lý hồ sơ thủ tục hành chính từ khi tiếp nhận đến khi hoàn thành nhằm tạo thuận lợi cho người dân

và doanh nghiệp theo dõi để thực hiện.

3.2. Nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của kinh tế Thành phố gắn với tái cấu trúc kinh tế theo chiều sâu, chất lượng, hiệu quả. Cơ cấu lại, thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước theo kế hoạch, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước. Kiến tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; khuyến khích đổi mới, khởi nghiệp sáng tạo; thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm; cải thiện năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Thường xuyên tổ chức gặp gỡ, đối thoại, gắn kết với các doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà đầu tư tài chính. Triển khai các giải pháp thu hút đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án theo quy hoạch tại Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả, phát triển nhanh dịch vụ, nhất là các ngành có hàm lượng tri thức, giá trị gia tăng cao; nâng cao tỷ trọng 9 ngành dịch vụ chủ yếu trong cơ cấu kinh tế thành phố; phấn đấu trở thành địa phương đầu tiên của cả nước triển khai thí điểm dịch vụ mạng viễn thông 5G. Khẩn trương quy hoạch, phát triển mạnh dịch vụ vận tải đa phương thức ngành Logistics và xây dựng Khu công nghiệp mới. Tập trung phát triển công nghiệp theo định hướng ưu tiên đầu tư phát triển 4 ngành công nghiệp trọng yếu có hàm lượng khoa học công nghệ, giá trị gia tăng cao và thúc đẩy các ngành công nghiệp hỗ trợ; xây dựng khu công nghiệp mới dành riêng cho đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

3.3. Tăng cường các biện pháp để quản lý nguồn thu và bồi dưỡng nguồn thu; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật. Điều hành dự toán chi ngân sách chặt chẽ, theo đúng dự toán được duyệt và đúng chế độ tiêu chuẩn định mức quy định. Đảm bảo tiến độ giải ngân phục vụ các công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

3.4. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ gắn với chỉnh trang đô thị, giảm ùn tắc và tai nạn giao thông, giảm ngập nước, giảm ô nhiễm môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Tập trung quản lý quy hoạch, lập và rà soát quy hoạch xây dựng, cải tạo, chỉnh trang đô thị phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển đô thị bền vững qua từng giai đoạn. Tiếp tục rà soát các dự án chậm triển khai để có hướng xử lý triệt để. Thành lập Tổ công tác chỉ đạo công tác bồi thường, tái định cư, giao đất theo quy trình mới, nhanh hơn, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, đúng pháp luật. Tập trung thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại cuộc sống và di dời

các hộ dân đang sống trên và ven kênh, rạch.

3.5. Tăng cường phúc lợi, đảm bảo an sinh xã hội, tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh cho người dân Thành phố; tăng cường đầu tư cho các hoạt động văn hóa, giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh. Triển khai có hiệu quả chương trình Sửa học đường; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, cung cấp nước sạch cho nhân dân. Xây dựng môi trường văn hóa đô thị lành mạnh, hiện đại, văn minh, nghĩa tình, tôn trọng pháp luật, kỷ cương, tác phong công nghiệp. Thực hiện tốt công tác giáo dục đào tạo, giảm tải chương trình học; chuẩn bị đầy đủ nguồn lực (vốn đầu tư, quỹ đất sạch,...) để xây dựng trường mới, bố trí đủ phòng học, lớp học, đặc biệt quan tâm đến các địa phương còn thiếu phòng học. Nâng mức chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng giai đoạn 2019 - 2020 phù hợp với thực trạng đời sống người dân và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

3.6. Bảo đảm và giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và quốc phòng; đảm bảo tuyệt đối an toàn các lễ hội, sự kiện chính trị quan trọng; thực hiện chăm lo và đảm bảo Tết Kỷ Hợi 2019 đến với mọi nhà, mọi người thật sự vui tươi, lành mạnh, an toàn; chủ động triển khai các giải pháp phòng ngừa, không để xảy ra tình hình phức tạp, đột biến bất ngờ, trở thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Thông tin đầy đủ, kịp thời các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm với phương thức phù hợp với từng nhóm đối tượng. Tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài, phức tạp.

3.7. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế; triển khai các hoạt động ngoại giao hiệu quả và thiết thực, góp phần xúc tiến thương mại, đầu tư, quảng bá du lịch, văn hóa của Thành phố và Việt Nam đến bạn bè quốc tế; quan tâm thực hiện các Thỏa thuận quốc tế đã ký kết nhằm đưa các quan hệ hợp tác đã thiết lập đi vào chiều sâu, thực chất.

III. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai, tập trung chỉ đạo, điều hành các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp chặt chẽ bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tăng cường tổ chức hoạt động giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên

tăng cường giám sát, phát động các phong trào hành động thiết thực, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết; phản ánh và kiến nghị kịp thời những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

Hội đồng nhân dân thành phố đề nghị các cấp, các ngành kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ thành phố tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, nêu cao tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, chung sức quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, nắm bắt cơ hội, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của thành phố để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội của thành phố năm 2019.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 122/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2019***QUYẾT ĐỊNH****Về việc Ban hành Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh
Dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Công điện số 1194/CD-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung triển khai các biện pháp ngăn chặn bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xâm nhiễm vào Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Căn cứ Quyết định số 4527/QĐ-BNN-TY ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh Dịch tả lợn Châu Phi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn

số 3559/SNN-KHCN ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh Dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh Dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh” (đính kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng Ban Quản lý an toàn thực phẩm thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Lê Thanh Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Ứng phó khẩn cấp với bệnh Dịch tả heo Châu Phi
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

A. TÍNH CẦN THIẾT:

1. Tình hình bệnh Dịch tả heo Châu phi trên thế giới:

- Bệnh Dịch tả heo Châu Phi là một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm do vi rút gây ra. Bệnh gây sốt cao, xuất huyết nặng và có thể gây chết 100% số heo mắc bệnh. Tuy nhiên, bệnh chỉ lây nhiễm trên loài heo (bao gồm heo rừng và heo nuôi), không gây bệnh cho các loài động vật khác. Bệnh Dịch tả heo Châu Phi không lây sang người. Bệnh lây chủ yếu trực tiếp từ heo mắc bệnh sang heo khỏe mạnh. Ngoài ra, bệnh có thể lây lan gián tiếp thông qua thức ăn thừa dùng để chăn nuôi, phương tiện, dụng cụ chăn nuôi, quần áo có chứa chất mang vi rút.

- Theo thông tin cập nhật từ Tổ chức Thú y thế giới (OIE), tính từ năm 2017 đến ngày 10 tháng 11 năm 2018, đã có 19 quốc gia gồm: Bỉ, Bun-ga-ri, Cộng hòa Séc, Trung Quốc, Bờ biển Ngà, Cộng hòa Séc, E-xtô-ni-a, Hung-ga-ri, Kê-ni-a, Lát-vi-a, Lít-va, Môn-đô-va, Ni-giê-ri-a, Ba Lan, Ru-ma-ni, Liên Bang Nga, Nam Phi, U-crai-na và Dăm-bi-a báo cáo bệnh Dịch tả lợn Châu Phi. Tổng số lợn bệnh là trên 372 nghìn con, số lợn chết vì bệnh là trên 123 nghìn con, tổng đàn lợn có nguy cơ, buộc phải tiêu hủy trên 840 nghìn con.

- Tại Trung Quốc, theo thông tin cập nhật từ OIE và Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO), từ ngày 03 tháng 8 năm 2018 đến ngày 09 tháng 11 năm 2018, nước này báo cáo tổng cộng có trên 73 ổ dịch xuất hiện tại 17 tỉnh (bao gồm: An Huy, Hắc Long Giang, Hà Nam, Liêu Ninh, Giang Tô, Chiết Giang, Cát Lâm, Khu tự trị Nội Mông, Thiên Tân, Sơn Tây, Hồ Nam, Quý Châu, Vân Nam (tại Simao của thành phố Phổ Nhĩ, cách biên giới với các tỉnh Tây Bắc của Việt Nam khoảng 150km), Hồ Bắc, Giang Tây, Trùng Khánh và Phúc Kiến. Tổng cộng đã có hơn 470

nghìn con lợn các loại buộc phải tiêu hủy.

- Tại Việt Nam, hiện nay chưa phát hiện bệnh Dịch tả heo Châu Phi.

2. Nhận định tình hình

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận định nguy cơ bệnh Dịch tả heo Châu Phi từ nước ngoài xâm nhiễm vào Việt Nam thông qua các hoạt động vận chuyển, buôn bán, tiêu thụ, sản phẩm của heo nhập lậu, nghi nhập lậu, không rõ nguồn gốc, nhất là tại các tỉnh biên giới phía Bắc và tại các địa phương có chăn nuôi heo với số lượng lớn, địa phương có nhiều khách du lịch đến từ các nước, các vùng đã và đang có dịch bệnh là rất cao.

- Tại Trung Quốc, bệnh Dịch tả heo Châu Phi tại Trung Quốc đang có chiều hướng lây lan đến các tỉnh phía Nam gần với giáp với biên giới Việt Nam; đồng thời các hoạt động thương mại, du lịch của nhân dân các nước đã và đang có dịch bệnh, đặc biệt là cư dân các nước có đường biên giới giáp với Việt Nam thông qua các hoạt động vận chuyển và tiêu thụ các sản phẩm thịt heo, kể cả các sản phẩm thịt heo đã qua chế biến chín.

- Thành phố Hồ Chí Minh là đầu mối tiêu thụ thịt heo tại các tỉnh phía Nam, bình quân mỗi ngày khoảng 10.000 - 11.000 con (tương đương 750 - 800 tấn thịt heo). Trong những năm trước đây, thành phố đã phát hiện một số trường hợp vận chuyển phụ phẩm heo đông lạnh nhập khẩu trái phép từ Trung Quốc. Ngoài ra, thành phố là địa phương có nhiều khách du lịch đến từ các nước có dịch. Theo báo cáo của Chi cục Chăn nuôi và Thú y, thành phố hiện có 4.374 hộ chăn nuôi heo, với tổng đàn 301.061 con, trong đó có 278 hộ nuôi heo vận dụng thu gom thức ăn thừa tại các nhà hàng quán ăn để cho heo ăn, với tổng đàn 22.740 con tập trung tại các huyện Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi và Quận 12. Chính vì những nguy cơ trên, nên khả năng xâm nhiễm mầm bệnh Dịch tả heo châu Phi vào thành phố trong thời gian tới là khá cao.

B. KẾ HOẠCH KHẨN CẤP PHÒNG CHỐNG BỆNH DỊCH TẢ HEO CHÂU PHI

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Thú y ngày 19/6/2015.
- Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y.

- Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP, ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

- Căn cứ Quyết định số 16/2016/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc thành lập và tổ chức, hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật các cấp.

- Căn cứ Công điện số 1194/CD-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung triển khai các biện pháp ngăn chặn bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xâm nhiễm vào Việt Nam.

- Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Căn cứ Quyết định số 4527/QĐ-BNN-TY, ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh Dịch tả lợn châu Phi.

II. MỤC ĐÍCH

- Triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống bệnh Dịch tả heo châu Phi; ngăn chặn nguy cơ xảy ra dịch bệnh trên địa bàn thành phố.

- Chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó khi phát hiện dịch bệnh Dịch tả heo châu Phi và những diễn biến của dịch bệnh Dịch tả heo châu Phi xảy ra trên địa bàn thành phố. Qua đó, làm cơ sở để các ngành chức năng triển khai các biện pháp xử lý kịp thời, không chế không để dịch bệnh lây lan trên diện rộng, hạn chế thấp nhất thiệt hại kinh tế, ổn định tình hình kinh tế chính trị của thành phố.

III. CÁC TÌNH HUỐNG CỤ THỂ

- **Tình huống 1:** Bệnh Dịch tả heo Châu Phi chưa xảy ra tại các hộ chăn nuôi trên địa bàn thành phố nhưng xảy ra bệnh tại các tỉnh phía Bắc hoặc khu vực các tỉnh miền trung (các tỉnh không cung cấp nguồn heo, sản phẩm thịt heo cho thị trường thành phố).

- **Tình huống 2:** Bệnh Dịch tả heo Châu Phi chưa xảy ra tại các hộ chăn nuôi trên địa bàn thành phố nhưng xảy ra bệnh tại các tỉnh có cung cấp nguồn thịt heo cho thị trường thành phố.

- **Tình huống 3:** Xảy ra bệnh Dịch tả heo châu Phi tại các hộ chăn nuôi trên địa

bàn thành phố.

IV. BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ ĐỐI VỚI TỪNG TÌNH HUỐNG

1. Tình huống 1: Bệnh Dịch tả heo Châu Phi chưa xảy ra tại các hộ chăn nuôi trên địa bàn thành phố nhưng xảy ra bệnh tại các tỉnh phía Bắc hoặc khu vực các tỉnh miền trung (các tỉnh không cung cấp nguồn heo, sản phẩm thịt heo cho thị trường thành phố)

- Huy động các Hội, đoàn thể cùng phối hợp trong công tác vận động, tuyên truyền người dân tăng cường các biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả heo châu Phi theo hướng dẫn của cơ quan thú y; áp dụng các biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi, thường xuyên tiêu độc, khử trùng chuồng trại; không vận chuyển, mua bán, giết mổ, tiêu thụ heo và sản phẩm thịt heo không rõ nguồn gốc, không qua kiểm dịch của cơ quan thú y.

- Đoàn kiểm tra liên ngành phòng, chống dịch bệnh động vật thành phố (do Cục Quản lý thị trường chủ trì) tăng cường tần suất hoạt động kiểm tra, giám sát tình hình vận chuyển, kinh doanh heo và thịt heo trên các tuyến đường chính ra, vào địa bàn thành phố.

- Vận động các chủ phương tiện vận chuyển hành khách không vận chuyển heo sống và các sản phẩm có nguồn gốc từ heo không có nguồn gốc trên các phương tiện vận tải hành khách. Phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông kiểm tra các phương tiện vận tải hành khách, xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển trái phép heo sống và sản phẩm thịt heo, phủ tạng và sản phẩm có nguồn gốc thịt heo không rõ nguồn gốc, không qua kiểm dịch.

- Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật các quận, huyện khẩn trương xây dựng kế hoạch tăng cường lực lượng kiểm tra, chốt chặn tại các tuyến đường giao thông khu vực giáp ranh với các tỉnh. Xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển heo sống và sản phẩm thịt heo không rõ nguồn gốc, không qua kiểm dịch. Tăng cường kiểm tra, phát hiện và xử lý dứt điểm các hộ kinh doanh giết mổ heo trái phép trên địa bàn.

- Tăng cường giám sát chặt chẽ tình hình dịch tễ, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các biện pháp an toàn sinh học tại các cơ sở chăn nuôi. Kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển heo sống, thịt heo, phủ tạng và các sản phẩm nguồn gốc thịt heo ra vào thành phố tại các Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông.

- Tổ chức tiêu độc khử trùng tại các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, các Trạm

Kiểm dịch động vật đầu mỗi giao thông; phối hợp với Ban Quản lý an toàn thực phẩm thành phố tổ chức tiêu độc khử trùng tại các chợ đầu mối kinh doanh thịt heo.

- Tổ chức lấy mẫu xét nghiệm giám sát tình hình lưu hành vi rút Dịch tả heo châu Phi tại các cơ sở, hộ chăn nuôi, cơ sở giết mổ, nguồn heo và sản phẩm có nguồn gốc từ heo từ các tỉnh vào thành phố tiêu thụ.

- Giám sát chặt chẽ quy trình giết mổ heo và thực hiện chương trình phối hợp với Chi cục Chăn nuôi và Thú y các tỉnh trong việc đảm bảo nguồn heo và sản phẩm thịt heo an toàn phục vụ nhu cầu của thành phố, tiếp tục hỗ trợ các tỉnh giám sát, chẩn đoán bệnh, nhằm chủ động phòng dịch từ xa.

- Ban Quản lý các chợ chủ động kiểm tra, phát hiện, phối hợp với các ngành chức năng xử lý nghiêm các trường hợp kinh doanh thịt heo, phủ tạng, các sản phẩm có nguồn gốc thịt heo không rõ nguồn gốc, tuyên truyền vận động người dân kinh doanh sản phẩm thịt heo đã qua kiểm dịch đúng quy định.

- Tăng cường kiểm tra nguồn thịt heo tại các chợ đầu mối, chợ truyền thống. Chủ động phối hợp với các đoàn kiểm tra liên ngành thành phố và quận, huyện kiểm tra nguồn gốc sản phẩm thịt heo có nguồn gốc từ các tỉnh đưa vào thành phố tiêu thụ; sản phẩm thịt heo đông lạnh tại các kho bảo quản, xử lý nghiêm các trường hợp các cơ sở sản xuất, chế biến sử dụng nguồn thịt heo không rõ nguồn gốc, không qua kiểm dịch.

- Tổ chức và kiểm tra việc thực hiện cam kết các nhà hàng, quán ăn không sử dụng thịt heo, phủ tạng heo sản phẩm có nguồn gốc thịt heo không rõ nguồn gốc để chế biến thực phẩm.

2. Tình huống 2: Bệnh Dịch tả heo Châu Phi chưa xảy ra tại các hộ chăn nuôi trên địa bàn thành phố nhưng xảy ra bệnh tại các tỉnh có cung cấp nguồn thịt heo cho thị trường thành phố

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp của địa phương có bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xuất hiện hoặc nằm trong vùng bị dịch uy hiếp quyết định thành lập Ban Chỉ đạo các cấp theo Quyết định số 16/2016/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ để chỉ đạo, điều hành các hoạt động tại địa phương.

- Áp dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh như tình huống 1. Trong trường hợp phát hiện trường hợp giết mổ gia súc trái phép và vận chuyển heo sống, phủ tạng và sản phẩm có nguồn gốc thịt heo không qua kiểm dịch, không rõ nguồn gốc, áp dụng biện pháp tiêu hủy đối với toàn bộ tạng vật được phát hiện.

- Tổ chức rà soát, dự phòng sẵn các phương án tiêu hủy, chỗ chôn heo sống, sản phẩm thịt heo nếu phát hiện dương tính hoặc nghi nhiễm bệnh Dịch tả heo Châu Phi, đặc biệt trong các trường hợp phải tiêu hủy số lượng lớn hàng trăm, hàng nghìn, thậm chí hàng chục nghìn con heo; bao gồm cả hóa chất, dụng cụ và phương tiện vận chuyển từ nơi phát hiện lợn dương tính đến nơi tiêu hủy, nơi chôn hủy.

- Các hộ chăn nuôi trên địa bàn thành phố phải khai báo với Ủy ban nhân dân các phường, xã và Trạm Chăn nuôi và Thú y các quận, huyện khi có nhu cầu xuất bán, nhập đàn heo mới để chăn nuôi.

- Hướng dẫn và giám sát các trại chăn nuôi áp dụng tiêu độc khử trùng như tình huống 1. Nghiêm cấm tất cả các trường hợp khách tham quan vào các cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở chăn nuôi heo giống. Tăng cường lấy mẫu giám sát các trường hợp heo bệnh, heo chết không rõ nguyên nhân, có triệu chứng nghi ngờ mắc bệnh Dịch tả heo Châu Phi.

- Tăng cường lấy mẫu giám sát vi rút Dịch tả heo Châu Phi trên đàn heo từ các tỉnh nhập vào thành phố tại các cơ sở giết mổ, nguồn thịt heo từ các tỉnh nhập vào thành phố tại các Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông, các chợ đầu mối Bình Điền và Hóc Môn.

- Thực hiện tổng tiêu độc khử trùng tại các chợ đầu mối, chợ truyền thống. Tăng cường kiểm tra tại các chợ đầu mối; khi phát hiện các trường hợp sản phẩm thịt heo nhập chợ có dấu hiệu, bệnh tích nghi ngờ phải phối hợp với ngành thú y để lấy mẫu giám sát. Kiểm tra thường xuyên nguồn thịt heo nhập vào các chợ truyền thống, xử lý tiêu hủy các trường hợp không chứng minh được nguồn gốc, không qua kiểm dịch, có dấu hiệu dịch bệnh.

- Làm việc với các tỉnh trong khu vực có cung cấp nguồn heo sống, sản phẩm thịt heo để xác định những nguồn heo an toàn cho phép vận chuyển vào thành phố giết mổ tiêu thụ. Thống nhất biện pháp kiểm soát đối với nguồn heo an toàn dịch bệnh hoặc sản phẩm thịt heo từ các tỉnh được phép kiểm dịch nhập vào thành phố tiêu thụ, không cho nguồn bệnh xâm nhập vào địa bàn thành phố.

3. Tình huống 3: Xảy ra bệnh dịch tả heo Châu Phi tại các hộ chăn nuôi trên địa bàn thành phố

- Biện pháp xử lý tiêu hủy heo bệnh và heo tiếp xúc mầm bệnh:

+ Không điều trị lợn bệnh, lợn nghi mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi.

+ Trường hợp 01 ổ dịch là cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ, gia trại không có dây chuồng

riêng biệt: Đối với các địa phương lần đầu tiên phát hiện heo bị bệnh Dịch tả heo Châu Phi buộc phải tiêu hủy toàn đàn trong vòng 24 giờ kể từ khi có kết quả xét nghiệm khẳng định dương tính với bệnh Dịch tả heo Châu Phi. Việc tiêu hủy cũng được áp dụng đối với các đàn heo xung quanh, liền kề với đàn heo dương tính nhưng chưa được lấy mẫu xét nghiệm.

+ Trong vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp, trong vòng 48 giờ việc tiêu hủy có thể được áp dụng với đàn heo bị bệnh có triệu chứng lâm sàng của Dịch tả heo Châu Phi mà không nhất thiết phải chờ cho đến khi có kết quả xét nghiệm để nhằm ngăn chặn dịch bệnh phát tán, lây lan diện rộng.

+ Đối với chăn nuôi trang trại số lượng lớn có nhiều dãy chuồng riêng biệt thì tiêu hủy toàn bộ heo trong trang trại; các dãy chuồng còn lại áp dụng các biện pháp an toàn sinh học và lấy mẫu giám sát định kỳ. Nếu có nguy cơ lây nhiễm cao thì tiêu hủy toàn trang trại.

+ Hỗ trợ tài chính cho người chăn nuôi có lợn buộc phải tiêu hủy theo quy định tại Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

- Biện pháp khoanh vùng ổ dịch: Ổ dịch là trại chăn nuôi heo hoặc hộ gia đình chăn nuôi heo trong một đơn vị cấp xã nơi phát hiện có mẫu dương tính với vi rút Dịch tả heo Châu Phi.

+ Vùng dịch là xã, phường, thị trấn nơi có ổ dịch: Thực hiện việc tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc liên tục 01 lần/ngày trong vòng 1 tuần đầu tiên; 03 lần/tuần trong 2-3 tuần tiếp theo; đồng thời theo dõi lâm sàng và lấy mẫu xét nghiệm bất kỳ con lợn nào có biểu hiện bị bệnh, nghi bị bệnh để xác định vi rút Dịch tả heo Châu Phi.

+ Vùng bị dịch uy hiếp: Trong phạm vi 03km xung quanh ổ dịch, thực hiện việc tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc liên tục 01 lần/ngày trong vòng 1 tuần đầu tiên; 03 lần/tuần trong 2-3 tuần tiếp theo; đồng thời theo dõi lâm sàng và lấy mẫu xét nghiệm bất kỳ con lợn nào có biểu hiện bị bệnh, nghi bị bệnh để xác định vi rút Dịch tả heo Châu Phi.

+ Vùng đệm: Trong phạm vi 10km xung quanh ổ dịch, thực hiện việc tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc với tần suất 01 lần/tuần liên tục trong vòng 1 tháng kể từ khi có ổ dịch; đồng thời thực hiện việc theo dõi lâm sàng và lấy mẫu xét nghiệm bất kỳ con lợn nào có biểu hiện bị bệnh, nghi bị bệnh để xác định vi rút Dịch tả heo Châu Phi.

Phi.

- Biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi:

+ Hướng dẫn và giám sát các cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở chăn nuôi heo giống thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt. Định kỳ tổ chức vệ sinh, khử trùng, tiêu độc tại các khu vực chăn nuôi, các chợ, điểm buôn bán, giết mổ heo và các sản phẩm của heo bằng vôi bột hoặc hóa chất; hằng ngày thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc sau mỗi buổi họp chợ, mỗi ca giết mổ heo.

+ Thời điểm tái đàn sau dịch: 30 ngày kể từ khi tiêu hủy heo bệnh và đã thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo quy định, cơ sở từng bước nuôi tái đàn với số lượng khoảng 10% tổng số heo có thể nuôi tại cơ sở. Sau khi nuôi tái đàn được 30 ngày, thực hiện việc lấy mẫu xét nghiệm, nếu tất cả các mẫu xét nghiệm đều âm tính với bệnh Dịch tả heo Châu Phi, khi đó mới nuôi tái đàn với số lượng có thể lên đến 100% tổng đàn.

- Biện pháp kiểm soát vận chuyển heo và sản phẩm thịt heo:

+ Nghiêm cấm vận chuyển lợn và các sản phẩm lợn ra vào vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp. Cơ sở chăn nuôi trong vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp đã được cấp “Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật” đối với các bệnh khác, có thể được phép vận chuyển ra ngoài dưới sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền của địa phương sau khi đã lấy mẫu xét nghiệm âm tính với bệnh Dịch tả lợn Châu Phi). Căn cứ tình hình thực tế, Chi cục Chăn nuôi và Thú y tham mưu đề xuất điều chỉnh, xác định vùng bị dịch uy hiếp phù hợp để áp dụng giải pháp dừng vận chuyển.

+ Không vận chuyển lợn con, lợn giống ra, vào vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp để nuôi tái đàn khi chưa có hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

+ Đối với lợn trưởng thành hoặc trong trường hợp chủ cơ sở nuôi lợn có nhu cầu giết mổ lợn thì được phép giết mổ lợn dưới sự giám sát của cán bộ thú y với điều kiện kết quả xét nghiệm âm tính với bệnh Dịch tả lợn Châu Phi. Thịt lợn và sản phẩm thịt lợn chỉ được phép tiêu thụ trong phạm vi vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm.

- Biện pháp giám sát và cảnh báo dịch bệnh:

+ Tổ chức hướng dẫn người chăn nuôi, thú y cơ sở tăng cường theo dõi, giám sát đàn heo; nếu phát hiện heo bệnh, nghi mắc bệnh Dịch tả heo Châu Phi, heo chết không rõ nguyên nhân hoặc heo, sản phẩm của heo nhập lậu, nghi nhập lậu, không rõ nguồn gốc thì cần lấy mẫu (trước khi xử lý tiêu hủy theo quy định của pháp luật) để chẩn đoán, xét nghiệm bệnh; cần tập trung đối với đàn heo tại vùng bị dịch uy hiếp

hoặc vùng giám sát.

+ Tổ chức lấy mẫu đối với heo nghi mắc bệnh, heo chết không rõ nguyên nhân để xét nghiệm bệnh Dịch tả heo Châu Phi trong phạm vi vùng bị dịch uy hiếp hoặc vùng giám sát.

- Các biện pháp kiểm soát khác thực hiện tương tự tình huống 2.

V. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Tập trung triển khai thực hiện các nội dung theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện về việc tập trung triển khai các biện pháp ngăn chặn bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xâm nhiễm vào Việt Nam trên địa bàn thành phố theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Huy động cả hệ thống chính trị tham gia trong công tác phòng, chống bệnh Dịch tả heo châu Phi; đứng đầu là cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các ban ngành tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người chăn nuôi về các biện pháp phòng bệnh, kiểm tra xử lý các điểm giết mổ gia súc trái phép trên địa bàn, vận động người dân không kinh doanh, tiêu thụ thịt heo không rõ nguồn gốc.

- Tăng cường công tác kiểm tra liên ngành, gắn trách nhiệm của cảnh sát khu vực phụ trách địa bàn có điểm kinh doanh giết mổ heo trái phép nhằm hạn chế tối đa việc lây nhiễm bệnh Dịch tả heo châu Phi.

- Phối hợp chặt chẽ với các Sở - ngành thành phố triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh dịch tả heo Châu Phi theo các tình huống nêu trên.

- Tăng cường phối hợp, kiểm tra tại các tuyến đường nhỏ liên thông với các tỉnh giáp ranh (ngoài tuyến quốc lộ), để hạn chế tối đa việc vận chuyển heo bệnh và sản phẩm thịt heo mắc bệnh, không rõ nguồn gốc từ các tỉnh đưa về thành phố để tiêu thụ.

- Tăng cường kiểm tra tại các khu vực chợ tự phát, chợ tạm không có Ban quản lý tại các khu vực dân cư nhằm xử lý triệt để tình trạng phát sinh các điểm kinh doanh thịt heo không rõ nguồn gốc.

- Ký lệnh khám xét (nếu cần thiết) khi phát hiện các trường hợp chống đối, không chấp hành kiểm tra đối với điểm kinh doanh giết mổ heo trái phép.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ động tổ chức kiểm tra các quận, huyện về công tác triển khai các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh trên địa bàn.

- Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y:

+ Cung cấp nội dung tuyên truyền, thông tin kịp thời tình hình dịch bệnh Dịch tả heo châu Phi tại thành phố và cả nước.

+ Hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi tập trung thường xuyên thực hiện các biện pháp vệ sinh, tiêu độc khử trùng; tăng cường các biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng, nâng cao sức đề kháng cho đàn gia súc; tuyệt đối không nhập con giống không rõ nguồn gốc, không qua kiểm dịch; thực hiện nghiêm việc tiêm phòng và kiểm soát tốt nguồn thức ăn, phương tiện vận chuyển ra vào trại; khi phát hiện heo có dấu hiệu bệnh Dịch tả heo Châu Phi, phải khai báo ngay với cơ quan thú y, không tự ý xử lý; chấp hành nghiêm hướng dẫn xử lý dịch bệnh của cơ quan thú y.

+ Đẩy mạnh tiến độ tiêm phòng đàn gia súc; giám sát chặt chẽ tình hình chăn nuôi và dịch tễ trên địa bàn; bắt buộc các cơ sở chăn nuôi thực hiện nghiêm việc khai báo dịch tễ định kỳ, nguồn heo xuất, nhập đúng quy trình kiểm dịch; xử lý nghiêm các trường hợp nhập heo không rõ nguồn gốc vào cơ sở chăn nuôi.

+ Tuân thủ quy trình kiểm dịch và tiêu độc khử trùng phương tiện vận chuyển gia súc tại các trạm đầu mối giao thông; quy trình nhập heo và kiểm soát giết mổ; phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức tập huấn các biện pháp phòng chống bệnh, hướng dẫn tiêu độc khử trùng, các biện pháp an toàn sinh học; khuyến cáo người chăn nuôi chỉ mua giống tại các cơ sở cung cấp con giống an toàn.

+ Tiếp tục thực hiện chương trình phối hợp với các tỉnh trong công tác phòng chống dịch bệnh để chủ động ngăn chặn dịch bệnh xảy ra tại thành phố.

+ Chủ động hướng dẫn và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các ban, ngành thành phố triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh dịch tả heo Châu Phi theo các tình huống như trên.

- Tùy theo tình hình thực tế, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Dịch tả heo châu Phi nếu dịch bệnh xảy ra trên địa bàn thành phố.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì phối hợp Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động làm việc

với các tỉnh trong khu vực có cung cấp nguồn heo sống, sản phẩm thịt heo để xác định những nguồn heo an toàn cho phép vận chuyển vào thành phố giết mổ tiêu thụ; không cho nguồn bệnh xâm nhập vào địa bàn thành phố.

- Chỉ đạo Ban Quản lý các chợ chủ động kiểm tra, phát hiện, phối hợp với các ngành chức năng xử lý nghiêm các trường hợp kinh doanh thịt heo, phủ tạng, các sản phẩm có nguồn gốc thịt heo không rõ nguồn gốc, tuyên truyền vận động người dân kinh doanh sản phẩm gia cầm đã qua kiểm dịch đúng quy định.

4. Ban Quản lý an toàn thực phẩm thành phố

- Chỉ đạo các Đội thanh tra an toàn thực phẩm tăng cường kiểm tra nguồn thịt heo tại các chợ đầu mối, phối hợp với các đoàn kiểm tra liên ngành quận, huyện kiểm tra nguồn gốc sản phẩm thịt đông lạnh tại các kho bảo quản, xử lý nghiêm các trường hợp các cơ sở sản xuất, chế biến sử dụng nguồn thịt heo không rõ nguồn gốc, không qua kiểm dịch.

- Tuyên truyền vận động các nhà hàng, quán ăn thực hiện cam kết không sử dụng thịt heo, phủ tạng heo không rõ nguồn gốc để chế biến thực phẩm.

5. Công an thành phố

- Chỉ đạo lực lượng cảnh sát giao thông và các lực lượng khác tham gia các Đoàn công tác liên ngành, phối hợp với cơ quan chuyên môn tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các phương tiện vận chuyển động vật không có giấy chứng nhận kiểm dịch động vật.

- Chỉ đạo Công an quận, huyện, phường, xã phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành và chịu trách nhiệm xử lý các điểm kinh doanh, giết mổ gia súc trái phép trên địa bàn.

6. Sở Giao thông vận tải

- Chỉ đạo các công ty, xí nghiệp, hợp tác xã vận tải không vận chuyển động vật sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, vận chuyển bằng phương tiện không đúng qui định, không vận chuyển hành khách cùng với động vật, sản phẩm động vật.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, kiểm soát phương tiện giao thông đường thủy, đường bộ về việc vận chuyển động vật, sản phẩm động vật từ vùng dịch bệnh vào thành phố.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chỉ đạo Công ty Môi trường Đô thị thành phố có phương án tiếp nhận, tổ chức

tiêu hủy các trường hợp phát hiện heo sống và sản phẩm thịt heo dương tính vi rút Dịch tả heo Châu phi.

- Hướng dẫn Phòng Tài nguyên và Môi trường các quận, huyện biện pháp chôn lấp, tiêu hủy nếu phát hiện các trường hợp phát hiện heo, sản phẩm thịt heo dương tính bệnh Dịch tả heo Châu Phi tại địa bàn các quận, huyện.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với ngành nông nghiệp thường xuyên thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về diễn biến và nguy cơ dịch bệnh Dịch tả heo Châu Phi để người chăn nuôi thực hiện các biện pháp chủ động phòng, chống bệnh Dịch tả heo Châu Phi; khuyến cáo người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm thịt heo có nguồn gốc rõ ràng, đã được cơ quan ngành thú y kiểm dịch; định hướng thông tin tránh gây hoang man trong cộng đồng.

9. Sở Tài Chính

Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kinh phí phòng chống dịch bệnh Dịch tả heo châu Phi, bao gồm cả phi phí hỗ trợ thiệt hại cho người chăn nuôi bị ảnh hưởng dịch bệnh, phi phí giám sát cảnh báo dịch bệnh.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở - ban ngành và Ủy ban nhân dân các quận-huyện triển khai thực hiện nghiêm Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp nêu trên; thường xuyên theo dõi tình hình, tổng hợp và báo cáo về Ủy ban nhân dân thành phố. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 254/QĐ-UBND

Bình Chánh, ngày 15 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH**Về công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực năm 2018****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 58/TTr-TP ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Nay công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực năm 2018 (*Đính kèm danh mục văn bản*).**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Trần Phú Lữ**

ỦY BAN NHÂN DÂN			CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM		
HUYỆN BÌNH CHÁNH			Độc lập - Tự do - Hạnh phúc		
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2018 (Ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)					
A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2018					
STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; Ngày tháng năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Thời điểm hết hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
1	Quyết định	05/2011/QĐ-UBND ngày 31/3/2011	Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Bị thay thế bởi Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	2/1/2018
2	Quyết định	10/2011/QĐ-UBND ngày 01/7/2011	Về sửa đổi bổ sung điểm b, khoản 2 Điều 3 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 14/5/2011	Bị thay thế bởi Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	2/1/2018

3	Quyết định	11/2011/QĐ-UBND ngày 20/7/2011	Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 31/3/2011	Bị thay thế bởi Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	2/1/2018
4	Quyết định	09/2011/QĐ-UBND ngày 04/4/2011	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Bị thay thế bởi Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	6/1/2018
5	Quyết định	07/2011/QĐ-UBND ngày 31/3/2011	Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Bị thay thế bởi Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 24/9/2018	10/8/2018
6	Quyết định	08/2015/QĐ-UBND ngày 25/10/2015	Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Bình Chánh	Bị thay thế bởi Quyết định 06/2018/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	11/1/2018
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
1	Quyết định	0	0	0	0
2	Chỉ thị	0	0	0	0
B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2018					

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; Ngày tháng năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Thời điểm hết hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
1	Quyết định	18/2011/QĐ-UBND ngày 23/9/2011	Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 14/5/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Bị thay thế bởi Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	11/20/2017
II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
1	Quyết định	0	0	0	0
2	Chỉ thị	0	0	0	0

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng